

Bản tin ETF:

Dự báo thay đổi danh mục HOSE Index kỳ Q1/2023

Bộ chỉ số HOSE-Index, VNX-Index cùng các chỉ số đầu tư bao gồm VNDiamond, VNFin Lead và VNFIN Select sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục trong thời gian tới với một số mốc thời gian đáng chú ý sau:

Ngày chốt số liệu	30/12/2022
Ngày công bố	16/01/2023
Ngày hoàn thành cơ cấu danh mục	03/02/2023
Ngày chỉ số mới có hiệu lực	06/02/2023

Trong kỳ này, các chỉ số vốn hóa và chỉ số ngành của bộ chỉ số HOSE-Index, bao gồm chỉ số **VN30** và **VNFIN Lead** sẽ thực hiện đổi rõ với các thay đổi về thành phần. Trong khi đó, chỉ số VNDiamond, VNFIN Select và bộ chỉ số VNX-Index sẽ chỉ cập nhật số liệu và tính toán lại tỷ trọng danh mục.

Dựa trên số liệu chốt ngày 30/12, chúng tôi đưa ra dự báo về danh mục các chỉ số như sau:

1. Chỉ số VN30

- **BCM** có thể được thêm vào chỉ số nhờ giá cổ phiếu tăng giúp Giá trị vốn hóa tự do đạt mức yêu cầu là 2.500 tỷ đồng và cổ phiếu đã lọt vào nhóm 20 cổ phiếu có Giá trị vốn hóa lớn nhất sàn HOSE.
- **KDH** có thể bị loại khỏi danh mục do đây là cổ phiếu có giá trị vốn hóa thấp nhất trong rổ hiện tại.

Trong các ETF trên thị trường, hiện có 4 ETF đang sử dụng chỉ số VN30 làm tham chiếu bao gồm VFM VN30, SSIAM VN30, Mirae Asset VN30, và KIM VN30 với tổng tài sản ước tính là 8.200 tỷ đồng. Do có tỷ lệ free-float (tỷ lệ tự do chuyển nhượng) thấp nên chúng tôi ước tính BCM chỉ có tỷ trọng 0,29% danh mục mới, tương đương khối lượng mua khoảng 300.000 cổ phiếu. Ngược lại, ước tính KDH sẽ bị bán ra toàn bộ -1,29% tỷ trọng, tương đương khoảng 4 triệu cổ phiếu. Do đó, hầu hết các cổ phiếu còn lại sẽ được tăng nhẹ tỷ trọng. Ước tính cụ thể như sau:

Danh mục VN30 và giao dịch các quỹ ETF liên quan

TT	CP	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	+/-	+/- Khối lượng cp	KLGD TB	Số phiên giao dịch tương đương
1	VPB	8,21%	8,13%	0,08%	374.984	27.616.640	0,01
2	FPT	7,54%	7,46%	0,08%	80.132	1.070.470	0,07
3	VNM	6,69%	6,62%	0,07%	71.840	2.218.550	0,03
4	ACB	6,61%	6,54%	0,07%	246.703	3.028.135	0,08
5	MSN	6,26%	6,20%	0,06%	55.056	950.875	0,06
6	TCB	6,21%	6,15%	0,06%	196.465	7.078.735	0,03
7	HPG	6,05%	5,99%	0,06%	274.831	33.837.080	0,01
8	VHM	5,49%	5,44%	0,05%	93.548	3.132.920	0,03
9	VIC	5,39%	5,34%	0,05%	81.937	2.988.145	0,03
10	MWG	4,95%	4,90%	0,05%	93.195	2.743.775	0,03
11	MBB	4,48%	4,44%	0,04%	214.295	11.886.590	0,02
12	STB	4,46%	4,41%	0,04%	162.006	24.371.220	0,01
13	VCB	4,38%	4,33%	0,04%	44.736	1.463.110	0,03
14	VJC	3,12%	3,09%	0,03%	23.272	425.295	0,05
15	HDB	2,95%	2,92%	0,03%	151.304	3.215.810	0,05
16	VRE	2,51%	2,49%	0,03%	78.108	2.833.005	0,03
17	VIB	2,32%	2,29%	0,02%	99.617	4.882.660	0,02
18	CTG	2,06%	2,04%	0,02%	61.947	4.286.715	0,01
19	SSI	1,94%	1,92%	0,02%	89.578	23.151.060	0,00
20	TPB	1,93%	1,91%	0,02%	74.760	8.386.025	0,01
21	SAB	1,24%	1,23%	0,01%	6.062	210.990	0,03
22	NVL	1,15%	1,14%	0,01%	67.957	32.015.270	0,00
23	GAS	1,02%	1,01%	0,01%	8.224	336.115	0,02
24	BID	0,82%	0,81%	0,01%	17.388	1.677.215	0,01
25	POW	0,52%	0,52%	0,01%	40.250	7.848.980	0,01
26	PLX	0,42%	0,42%	0,00%	10.919	748.300	0,01
27	PDR	0,38%	0,38%	0,00%	23.087	17.097.760	0,00
28	BVH	0,36%	0,36%	0,00%	6.379	731.930	0,01
29	BCM	0,29%	0,00%	0,29%	296.478	101.965	2,91
30	GVR	0,23%	0,23%	0,00%	13.750	2.199.800	0,01
	KDH	0,00%	1,29%	-1,29%	(3.976.294)	2.276.815	1,75

Nguồn: SSI Research

2. Chỉ số VNFIN Lead

Chúng tôi ước tính chỉ số VNFIN Lead sẽ không có thay đổi về danh mục trong kỳ này. Tỷ trọng danh mục mới được tính lại như sau:

Danh mục VNFINLead và giao dịch quỹ SSIAM VNFIN Lead ETF

TT	Mã CK	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng cũ	Thay đổi	Số lượng CP mua/bán	KLGD TB	Số phiên giao dịch tương đương
1	VPB	15,00%	15,59%	-0,6%	-1.075.193	27.616.640	0,04
2	STB	15,00%	14,73%	0,3%	396.210	24.371.220	0,02
3	TCB	14,05%	14,17%	-0,1%	-162.202	7.078.735	0,02
4	MBB	11,63%	10,30%	1,3%	2.542.638	11.886.590	0,21
5	SSI	7,37%	7,17%	0,2%	354.755	23.151.060	0,02
6	ACB	6,46%	7,08%	-0,6%	-922.926	3.028.135	0,30
7	VND	4,34%	3,65%	0,7%	1.657.761	35.172.380	0,05
8	SHB	3,83%	4,91%	-1,1%	-3.523.812	23.955.600	0,15
9	VCB	3,83%	3,11%	0,7%	290.707	1.463.110	0,20
10	CTG	3,22%	3,14%	0,1%	91.980	4.286.715	0,02
11	SSB	2,97%	2,83%	0,1%	138.258	1.170.890	0,12
12	LPB	2,25%	1,98%	0,3%	678.804	14.492.040	0,05
13	TPB	2,06%	2,10%	0,0%	-55.955	8.386.025	0,01
14	HDB	1,85%	2,43%	-0,6%	-1.171.531	3.215.810	0,36
15	VIB	1,27%	1,18%	0,1%	148.925	4.882.660	0,03
16	MSB	1,23%	2,08%	-0,9%	-2.227.358	2.073.275	1,07
17	VCI	1,15%	1,05%	0,1%	127.931	8.061.985	0,02
18	EIB	0,64%	0,66%	0,0%	-21.474	3.539.395	0,01
19	BID	0,59%	0,48%	0,1%	91.469	1.677.215	0,05
20	HCM	0,59%	0,50%	0,1%	145.121	7.117.045	0,02
21	OCB	0,46%	0,66%	-0,2%	-350.617	1.117.945	0,31
22	BVH	0,22%	0,19%	0,0%	17.942	731.930	0,02

Nguồn: SSI Research

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715